

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp phát gạo học kỳ II năm học 2022-2023 (đợt 1) hỗ trợ cho học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-BTC ngày 23/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ II năm học 2022-2023;

Căn cứ Quyết định số 82/QĐ-TCĐT ngày 28/02/2023 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước (Bộ Tài chính) về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh trong học kỳ II năm học 2022-2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 681/TTr-SGDĐT ngày 31 tháng 3 năm 2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Hỗ trợ gạo học kỳ II năm học 2022-2023 (đợt 1) cho **2.856** học sinh tại các trường ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận với tổng số lượng gạo là **198.000 kg**. Mỗi học sinh nhận 04 tháng tương ứng với 60 kg gạo trong học kỳ II năm học 2022-2023 (danh sách các trường và số lượng học sinh được hỗ trợ gạo kèm theo Quyết định này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử Sở Giáo dục và Đào tạo).

Thời gian cấp phát: Dự kiến từ ngày 10/4/2023 đến ngày 14/4/2023.

### **Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị**

#### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu học sinh được thụ hưởng chính sách hỗ trợ. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện việc phân bổ

gạo kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định; tổng hợp, báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

- Phối hợp với Cục Dự trữ Nhà nước Khu vực Nam Trung bộ và Chi cục Dự trữ Nhà nước Ninh Thuận tiếp nhận gạo đảm bảo về số lượng, chất lượng theo quy định và việc phân bổ gạo đến các địa phương, đơn vị;

- Cử cán bộ phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố và đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các ban ngành, đoàn thể ở cơ sở giám sát chặt chẽ việc tiếp nhận và cấp phát gạo kịp thời, đúng đối tượng và đúng quy định.

**2. Sở Tài chính:** Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo sử dụng ngân sách của địa phương, đơn vị để thanh toán tiền hợp đồng vận chuyển, bốc xếp từ trung tâm huyện, thành phố tới các trường.

**3. Sở Giao thông vận tải:** Hỗ trợ, điều động phương tiện vận chuyển gạo từ trung tâm các huyện, thành phố tới các trường khi có đề nghị của các phòng Giáo dục và Đào tạo.

**4. Các Sở, ban ngành liên quan:** Thường xuyên phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham gia giám sát, kiểm tra quá trình tiếp nhận, cấp phát gạo đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định.

### **5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

- Phân công nhiệm vụ cho các phòng chức năng thuộc huyện triển khai phương án về kho bãi, nhân lực, phương tiện, kinh phí để tiếp nhận, phân bổ, giám sát việc cấp phát gạo kịp thời, đúng đối tượng và đúng quy định.

- Triển khai việc tiếp nhận, thuê hoặc bố trí phương tiện để vận chuyển từ Trung tâm huyện tới các trường trên địa bàn huyện.

- Sử dụng ngân sách của huyện để chi cho việc vận chuyển, bốc xếp gạo để giao cho các trường trên địa bàn theo quy định.

### **6. Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, các cơ sở giáo dục**

- Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị kho, sân bãi để tiếp nhận gạo; bố trí kinh phí từ dự toán được giao để các trường chi trả chi phí vận chuyển và bốc xếp khi triển khai thực hiện cấp phát gạo cho học sinh;

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các trường trực tiếp tiếp nhận gạo theo Quyết định phân bổ của Ủy ban nhân dân tỉnh để cấp phát gạo cho học sinh;

- Tiếp nhận, vận chuyển gạo từ trung tâm huyện về trường để cấp phát cho học sinh đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng và đúng quy định;

- Báo cáo kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả thực hiện việc phân bổ gạo theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Giao thông vận tải, Lao động-Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các cơ quan, các trường học có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Các Bộ: GD&ĐT, Tài chính;
- Tổng Cục Dự trữ Nhà nước-BTC; } (báo cáo)
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh (phối hợp);
- Chi cục DTNN Ninh Thuận;
- VPUB: LĐ, KTTH, Công TTĐT;
- Lưu: VT, VXNV. NAM

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Long Biên**

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN, THÀNH PHỐ  
HỖ TRỢ GẠO CHO HỌC SINH HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023 (ĐỢT 1)  
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Kg

Stt	Toàn tỉnh	Tổng số học sinh	Nhu cầu gạo hỗ trợ của HKII	Số lượng gạo tăng (+), giảm (-) của HKI	Số lượng gạo phân bổ của HKII
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	
	<b>I. Huyện Ninh Sơn</b>	<b>310</b>	<b>18.600</b>	<b>-75</b>	<b>18.525</b>
1	1. Trường TH Mỹ Sơn C	13	780		780
2	2. Tr. PTDTBTHCS Phan Đình Phùng	297	17.820	-75	17.745
	<b>II. Huyện Thuận Bắc</b>	<b>224</b>	<b>13.440</b>	<b>7.620</b>	<b>21.060</b>
3	1. Trường TH-THCS Phước Chiến	87	5.220		5.220
4	2. Trường TH-THCS Phước Kháng	13	780		780
5	3. Trường THPT Phan Bội Châu	124	7.440	7.620	15.060
	<b>III. Huyện Bác Ái</b>	<b>2.148</b>	<b>128.880</b>	<b>19.095</b>	<b>147.975</b>
6	1. Trường TH Phước Tiến B	219	13.140		13.140
7	2. Trường TH Phước Thắng	326	19.560		19.560
8	3. Trường TH Phước Đại B	34	2.040		2.040
9	4. Trường TH Phước Thành A	41	2.460		2.460
10	5. Trường TH Phước Bình A	35	2.100	375	2.475
11	6. Tr. PTDTBT TH Phước Bình B	71	4.260		4.260
12	7. Tr. PTDTBT TH Phước Đại A	146	8.760		8.760
13	8. Tr. PTDTBT TH Phước Thành B	91	5.460		5.460
14	9. Tr. PTDTBT TH-THCS Ngô Quyền	294	17.640	-480	17.160
15	10. Tr. PTDTBT THCS Nguyễn V Trỗi	74	4.440		4.440
16	11. Tr. PTDTBT THCS Nguyễn V Linh	89	5.340		5.340

Stt	Toàn tỉnh	Tổng số học sinh	Nhu cầu gạo hỗ trợ của HKII	Số lượng gạo tăng (+), giảm (-) của HKI	Số lượng gạo phân bổ của HKII
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	
17	12. Tr.PTDTBT THCS Đinh Bộ Lĩnh	149	8.940		8.940
18	13. Tr. PTDTBT THCS Lê Lợi	173	10.380		10.380
19	14. Tr. PTDTBT THCS Nguyễn Huệ	150	9.000		9.000
20	15. Trường THCS-THPT Bác Ái	256	15.360	19.200	34.560
	<b>IV. Huyện Thuận Nam</b>	<b>159</b>	<b>9.540</b>	<b>0</b>	<b>9.540</b>
21	1. Tr. PTDTBT THCS Phước Hà	62	3.720		3.720
22	2. Trường TH Từ Thiện	08	480		480
23	3. Trường THCS Nguyễn Tiệm	89	5.340		5.340
	<b>V. Huyện Ninh Hải</b>	<b>15</b>	<b>900</b>	<b>0</b>	<b>900</b>
24	1. Trường TH-THCS Ngô Quyền	13	780		780
25	2. Trường THCS Nguyễn Văn Linh	02	120		120
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.856</b>	<b>171.360</b>	<b>26.640</b>	<b>198.000</b>

